

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2020

Số: 2606/GDDT-CTTT
Về phổ biến văn bản quy phạm pháp
luật, quy định mới, Nghị định số
08/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Ký: Phòng TCHCTH
phối hợp đơn vị liên
quan. Thực hiện

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TƯ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 496
ĐẾN Ngày: 21/8/2020

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi:

- Trưởng phòng Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận-Huyện;
- Hiệu trưởng trường THPT, trung cấp, cao đẳng;
- Giám đốc Trung tâm giáo dục thường xuyên;
- Giám đốc Trung tâm GDNN-GDTX;
- Thủ trưởng đơn vị trực thuộc.

Căn cứ Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Căn cứ Công văn số 3591/STP-BTTP ngày 29 tháng 7 năm 2020 của Sở Tư pháp về việc phối hợp tuyên truyền Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thư pháp luật.

Căn cứ Công văn số 3622/STP-PBGDPL ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Sở Tư pháp về việc hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến các luật, nghị quyết mới được Quốc hội thông qua và triển khai một số nhiệm vụ công tác phổ, biến giáo dục pháp luật.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị tổ chức triển khai hiệu quả phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); đồng thời cập nhật, rà soát, bổ sung, triển khai, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới tại đơn vị các nội dung sau:

1. Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, cập nhật, bổ sung các loại sách, báo, tài liệu, thiết bị PBGDPL mới cho Tủ sách pháp luật, thư viện của cơ quan, đơn vị.

2. Tiếp tục triển khai, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới theo danh mục được nêu trong văn bản này trong các buổi họp sinh hoạt, họp hội đồng sư phạm, họp liên tịch, sinh hoạt dưới cờ bằng nhiều hình thức phù hợp tại đơn vị.

3. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật, quy định gồm:

a. Văn bản của Quốc hội

- Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Nghị quyết số 121/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em.

b. Nghị định của Chính phủ

- Nghị định số 69/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 08/2016/NĐ-CP quy định số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

- Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định về lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

- Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi Nghị định 156/2018/NĐ-CP hướng dẫn Luật Lâm nghiệp.

- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

- Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức.

- Nghị định 91/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác.

c. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Thông tư số 16/2020/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm và mẫu bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm.

- Thông tư số 17/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chuẩn quốc gia về ngôn ngữ ký hiệu cho người khuyết tật.

- Thông tư số 18/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định mẫu Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học.

- Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục.

- Thông tư số 22/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập.

- Thông tư số 23/2020/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn, quy trình biên soạn, chỉnh sửa sách giáo khoa; tiêu chuẩn, tổ chức cá nhân biên soạn sách giáo khoa; tổ chức và hoạt động của Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa ban hành kèm theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Thông tư của các Bộ trưởng

- Thông tư số 67/2020/TT-BTC ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Thông tư số 03/2020/TT-BNV ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ vị trí công tác của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức.

e. Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố

- Quyết định số 1405/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Ban hành Quy trình phối hợp hỗ trợ, can thiệp, xử lý đối với các trường hợp trẻ em bị bạo lực, xâm hại, xâm hại tình dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Về tăng cường hiệu quả thi hành trách nhiệm Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước và trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm.

- Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch hành động về quản lý rác thải nhựa đại dương trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030.

- Kế hoạch số 3550/KH-UBND-NCPC ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức “Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam – 09/11” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020.

4. Hướng dẫn thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị căn cứ tình hình thực tế có thể chọn mua sách luật, sách tìm hiểu các quy định pháp luật, tìm kiếm, tra cứu cập nhật, thông tin, tuyên truyền phổ biến, thông tin văn bản quy phạm pháp luật, quy định mới tại đơn vị qua các cổng thông tin điện tử như sau:

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ:

<http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban>

- Bộ Giáo dục và Đào tạo: <http://moet.gov.vn/vanban/vanban/Pages/default.aspx>

- Bộ Tư pháp: <http://www.moj.gov.vn/Pages/home.aspx>

- Công báo Thành phố Hồ Chí Minh: <http://congbao.hochiminhcity.gov.vn/>

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu, triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị liên hệ Phòng Chính trị tư tưởng, Sở Giáo dục và Đào tạo (Bà Lương Cao Thủy Uyên, email: lctuyen.sgddt@tphcm.gov.vn, điện thoại: 098 9950769) để được hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Lưu: VP, CTĐT. ✓



Lê Hoài Nam

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN VỀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 08/2020/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THỪA PHÁT LẠI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngày 08/01/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động Thừa phát lại, có hiệu lực thi hành từ ngày 24/02/2020.

I. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ THỪA PHÁT LẠI

1. Khái niệm về Thừa phát lại

Thừa phát lại là người có đủ tiêu chuẩn được Nhà nước bổ nhiệm để thực hiện tổng đạt, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành án dân sự theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật có liên quan

Điều kiện bổ nhiệm:

- Là công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, chấp hành tốt Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật.
- Có thời gian công tác pháp luật từ 03 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật.
- Tốt nghiệp khóa đào tạo, được công nhận tương đương đào tạo hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại quy định tại Điều 7 của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ.
- Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa phát lại.
- Không kiêm nhiệm hành nghề công chứng, luật sư, thẩm định giá, đấu giá tài sản, thanh lý tài sản.

Thẩm quyền bổ nhiệm: Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Thừa phát lại trên cơ sở đề nghị của Sở Tư pháp.

Hình thức hành nghề: Thừa phát lại hành nghề dưới hình thức Văn phòng Thừa phát lại, Văn phòng Thừa phát lại do 01 Thừa phát lại thành lập được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp tư nhân. Văn phòng Thừa phát lại do 02 Thừa phát lại trở lên thành lập được tổ chức theo loại hình công ty hợp danh. Văn phòng Thừa phát lại có trụ sở, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính. Con dấu của Văn phòng Thừa phát lại không có hình quốc huy. Văn phòng Thừa phát lại được khắc và sử dụng con dấu sau khi được cấp Giấy đăng ký hoạt động. Thủ tục, hồ sơ đăng ký mẫu con dấu, việc quản lý, sử dụng con dấu của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo quy định của pháp luật về con dấu. Chế độ tài chính của Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện theo chế độ tài chính của loại hình doanh nghiệp tương ứng theo quy định của pháp luật.

2. Những công việc Thừa phát lại được làm

2.1. Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài

a) Khái niệm

Tổng đạt là việc Thừa phát lại thực hiện thông báo, giao nhận các văn bản, giấy tờ của Tòa án, Viện Kiểm sát nhân dân, Cơ quan Thi hành án dân sự và các giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài theo quy định của pháp luật.

b) Tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa phát lại được thực hiện tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của:

- Tòa án nhân dân Thành phố và 24 Tòa án nhân dân quận, huyện.
- Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố và 24 Viện Kiểm sát nhân dân quận, huyện.
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố và 24 Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện.
- Cơ quan có thẩm quyền nước ngoài có liên quan đến tương trợ tư pháp.

c) Phương thức lựa chọn Văn phòng Thừa phát lại thực hiện tổng đạt

- Thừa phát lại tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân trong việc giải quyết các vụ việc dân sự, vụ án hành chính, việc dân sự trong vụ án hình sự và khiếu nại, tố cáo; tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở theo hợp đồng dịch vụ tổng đạt được ký kết giữa Văn phòng Thừa phát lại với Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự.

- Bộ Tư pháp lựa chọn một hoặc một số Văn phòng Thừa phát lại để thực hiện việc tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

d) Trình tự, thủ tục: Thừa phát lại thực hiện tổng đạt theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ, pháp luật về tố tụng, kiểm sát và tương trợ tư pháp.

2.2. Lập vi bằng

a) Khái niệm

Vi bằng là văn bản ghi nhận sự kiện, hành vi có thật do Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến, lập theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức. Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc.

b) Giá trị pháp lý của vi bằng do Thừa phát lại lập

Vi bằng là nguồn chứng cứ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ việc dân sự và hành chính theo quy định của pháp luật; là căn cứ để thực hiện giao dịch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Vi bằng không thay thế văn bản công chứng, văn bản chứng thực, văn bản hành chính khác. Trong quá trình đánh giá, xem xét giá trị chứng cứ của vi bằng, nếu thấy cần thiết, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân có thể triệu tập Thừa phát lại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để làm rõ tính xác thực của vi bằng. Thừa phát lại, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác phải có mặt khi được Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân triệu tập.

c) Hình thức của vi bằng

Vi bằng được lập bằng văn bản tiếng Việt, có nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ Văn phòng Thừa phát lại; họ, tên Thừa phát lại lập vi bằng;
- Địa điểm, thời gian lập vi bằng;
- Họ, tên, địa chỉ người yêu cầu lập vi bằng;
- Họ, tên người tham gia khác (nếu có);
- Nội dung yêu cầu lập vi bằng; nội dung cụ thể của sự kiện, hành vi được ghi nhận;
- Lời cam đoan của Thừa phát lại về tính trung thực và khách quan trong việc lập vi bằng;
- Chữ ký của Thừa phát lại, dấu Văn phòng Thừa phát lại, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của người yêu cầu, người tham gia khác (nếu có) và người có hành vi bị lập vi bằng (nếu họ có yêu cầu).
- Vi bằng có từ 02 trang trở lên thì từng trang phải được đánh số thứ tự; vi bằng có từ 02 tờ trở lên phải được đóng dấu giáp lai giữa các tờ; số lượng bản chính của mỗi vi bằng do các bên tự thỏa thuận.
- Kèm theo vi bằng có thể có các tài liệu chứng minh; trường hợp tài liệu chứng minh do Thừa phát lại lập thì phải phù hợp với thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng.

Như vậy, một vi bằng hoàn chỉnh gồm: vi bằng lập (bắt buộc) và hình ảnh, băng hình, các tài liệu chứng minh khác kèm theo (nếu có).

d) Thẩm quyền, phạm vi lập vi bằng của Thừa phát lại

Thừa phát lại được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi có thật theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi toàn quốc, trừ các trường hợp sau:

- Thừa phát lại không được lập vi bằng liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân Thừa phát lại và những người thân thích của Thừa phát lại, bao gồm: Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Thừa phát lại, của vợ hoặc chồng của Thừa phát lại; cháu ruột mà Thừa phát lại là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì.

- Vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng bao gồm: Xâm phạm mục tiêu về an ninh, quốc phòng; làm lộ bí mật nhà nước, phát tán tin tức, tài liệu, vật phẩm thuộc bí mật nhà nước; vi phạm quy định ra, vào, đi lại trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự; vi phạm quy định về bảo vệ bí mật, bảo vệ công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự.

- Vi phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định tại Điều 38 của Bộ luật Dân sự; trái đạo đức xã hội.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng việc xác nhận nội dung, việc ký tên trong hợp đồng, giao dịch mà pháp luật quy định thuộc phạm vi hoạt động công chứng, chứng thực; xác nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt; xác nhận chữ ký, bản sao đúng với bản chính.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi để chuyển quyền sử dụng, quyền sở hữu đất đai, tài sản không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận các sự kiện, hành vi để thực hiện các giao dịch trái pháp luật của người yêu cầu lập vi bằng.

- Thừa phát lại không được lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân đang thi hành công vụ.

- Ghi nhận sự kiện, hành vi không do Thừa phát lại trực tiếp chứng kiến.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

đ) Thủ tục lập vi bằng

Khi có nhu cầu lập vi bằng, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên hệ với Văn phòng Thừa phát lại để thỏa thuận bằng văn bản về việc lập vi bằng với các nội dung chủ yếu sau đây: nội dung vi bằng cần lập, địa điểm, thời gian lập vi bằng, chi phí lập vi bằng và các thỏa thuận khác (nếu có). Thỏa thuận lập vi bằng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Thừa phát lại phải trực tiếp chứng kiến, lập vi bằng và chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về vi bằng do mình lập. Việc ghi nhận sự kiện, hành vi trong vi bằng phải khách quan, trung thực. Trong trường hợp cần thiết, Thừa phát lại có quyền mời người làm chứng chứng kiến việc lập vi bằng. Người yêu cầu phải cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến việc lập vi bằng (nếu có) và chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp.

Khi lập vi bằng, Thừa phát lại phải giải thích rõ cho người yêu cầu về giá trị pháp lý của vi bằng. Người yêu cầu phải ký hoặc điểm chỉ vào vi bằng. Vi bằng phải được Thừa phát lại ký vào từng trang, đóng dấu Văn phòng Thừa phát lại và ghi vào sổ vi bằng được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định. Vi bằng phải được gửi cho người yêu cầu và được lưu trữ tại Văn phòng Thừa phát lại theo quy định của pháp luật về lưu trữ như đối với văn bản công chứng.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc lập vi bằng, Văn phòng Thừa phát lại phải gửi vi bằng, tài liệu chứng minh (nếu có) đến Sở Tư pháp nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở để vào sổ đăng ký. Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được vi bằng, Sở Tư pháp phải vào sổ đăng ký vi bằng. Như vậy, theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP, Sở Tư pháp chỉ thực hiện việc vào Sổ đăng ký vi bằng và giá trị pháp lý của vi bằng không phụ thuộc việc vào Sổ đăng ký vi bằng.

2.3. Xác minh điều kiện thi hành án

a) Khái niệm

Xác minh điều kiện thi hành án là việc Thừa phát lại tiến hành xác minh tài sản, thu nhập của người phải thi hành án để thi hành nghĩa vụ về tài sản của người phải thi hành án trong quá trình tổ chức thi hành án.

b) Thẩm quyền, phạm vi xác minh điều kiện thi hành án

Thừa phát lại xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong trường hợp vụ việc đó thuộc thẩm quyền thi hành của các cơ quan thi hành án dân sự trên địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở. Khi thực hiện việc xác minh điều kiện thi hành án, Thừa phát lại có quyền xác minh ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở.

c) Thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại

Đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án có quyền thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về việc xác minh điều kiện thi hành án của người phải thi hành án kể cả trong trường hợp vụ việc đó đang do cơ quan thi hành án dân sự trực tiếp tổ chức thi hành. Trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Thừa phát lại được quyền xác minh điều kiện thi hành án liên quan đến việc thi hành án mà vụ việc đó thuộc thẩm quyền thi hành của Cục Thi hành án dân sự Thành phố và 24 Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện. Thỏa thuận về xác minh điều kiện thi hành án giữa người yêu cầu và Văn phòng Thừa phát lại được ký kết dưới hình thức hợp đồng dịch vụ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Nội dung cần xác minh, trong đó nêu cụ thể yêu cầu xác minh thông tin về tài sản, thu nhập hoặc điều kiện thi hành án của người phải thi hành án;
- Thời gian thực hiện xác minh;
- Quyền, nghĩa vụ của các bên;
- Chi phí xác minh;
- Các thỏa thuận khác (nếu có).

Khi thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại về xác minh điều kiện thi hành án, đương sự phải cung cấp bản án, quyết định của Tòa án và các tài liệu khác có liên quan (nếu có); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án phải cung cấp tài liệu chứng minh có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

d) Thủ tục xác minh điều kiện thi hành án

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ký kết hợp đồng dịch vụ, Trưởng Văn phòng Thừa phát lại phải ra quyết định xác minh điều kiện thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Quyết định xác minh phải ghi rõ căn cứ, nội dung xác minh và được ghi vào sổ xác minh điều kiện thi hành án được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

Quyết định xác minh phải được gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở và cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành án theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

Việc xác minh điều kiện thi hành án được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin.

Khi trực tiếp xác minh, Thừa phát lại xuất trình giấy giới thiệu của Văn phòng Thừa phát lại, Thẻ Thừa phát lại kèm theo các tài liệu có liên quan và phải công bố quyết định xác minh hoặc quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành án; lập biên bản về việc xác minh. Biên bản

phải có chữ ký của Thừa phát lại, người cung cấp thông tin, xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin. Nếu chưa thực hiện được ngay việc cung cấp thông tin thì phải ghi rõ lý do trong biên bản. Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

Trong trường hợp cần thiết, Thừa phát lại có quyền mời cơ quan chuyên môn hoặc chuyên gia để làm rõ các nội dung cần xác minh.

Trường hợp xác minh bằng văn bản thì văn bản đề nghị cung cấp thông tin phải có các nội dung sau đây:

- Căn cứ đề nghị cung cấp thông tin bao gồm: Tên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; Quyết định xác minh, bản sao văn bản thỏa thuận xác minh về điều kiện thi hành án; Quyết định thi hành án trong trường hợp Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành án;

- Thông tin về người phải thi hành án bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính của người phải thi hành án là tổ chức; họ, tên, địa chỉ nơi cư trú của người phải thi hành án là cá nhân và các thông tin cần thiết khác;

- Các thông tin đề nghị cung cấp trong phạm vi, thẩm quyền của Thừa phát lại quy định tại Nghị định này;

- Thời điểm, thời hạn cung cấp thông tin;

- Các thông tin khác có liên quan.

Văn bản đề nghị cung cấp thông tin kèm theo các tài liệu liên quan được gửi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, đồng thời gửi Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở. Trường hợp thực hiện xác minh ngoài địa bàn cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở thì Thừa phát lại phải đồng thời gửi cho Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện nơi thực hiện xác minh. Các quy định khác của pháp luật thi hành án dân sự được áp dụng trong việc xác minh điều kiện thi hành án của Thừa phát lại.

2.4. Tổ chức thi hành các Bản án, Quyết định của Tòa án

a) Thẩm quyền thi hành án dân sự của Thừa phát lại

Thừa phát lại được quyền tổ chức thi hành án theo yêu cầu của đương sự đối với các bản án, quyết định sau đây:

- Bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây gọi là Tòa án nhân dân cấp huyện); bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở;

- Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở đối với bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện; bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định sơ thẩm, chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi Văn phòng Thừa phát lại đặt trụ sở.

Thừa phát lại không tổ chức thi hành phần bản án, quyết định thuộc diện Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự chủ động ra quyết định thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự.

b) Quyền yêu cầu thi hành án

Cùng một nội dung yêu cầu, cùng một thời điểm, người yêu cầu chỉ có quyền làm đơn yêu cầu một Văn phòng Thừa phát lại hoặc một cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành án. Trường hợp người được thi hành án được thi hành nhiều khoản khác nhau trong cùng một bản án, quyết định do một người có nghĩa vụ thi hành thì cùng một thời điểm, người được thi hành án chỉ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoặc một Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành. Nếu các khoản được thi hành do nhiều người khác nhau có nghĩa vụ thi hành thì người được thi hành án có quyền đồng thời yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, Văn phòng Thừa phát lại thi hành riêng đối với từng khoản. Trong cùng một bản án, quyết định có nhiều người được thi hành án mà trong đó có người yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thi hành, có người yêu cầu Văn phòng Thừa phát lại tổ chức thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự và Văn phòng Thừa phát lại phải phối hợp với nhau trong thi hành án. Thời hiệu, thủ tục yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

c) Thỏa thuận về việc tổ chức thi hành án

Thỏa thuận về việc tổ chức thi hành án giữa người yêu cầu thi hành án và Văn phòng Thừa phát lại được thể hiện dưới hình thức hợp đồng dịch vụ và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Ngày, tháng, năm yêu cầu thi hành án;
- Các khoản yêu cầu thi hành theo bản án, quyết định;
- Trách nhiệm của Văn phòng Thừa phát lại trong việc thực hiện yêu cầu thi hành án theo ủy quyền;
- Chi phí, phương thức thanh toán;
- Các thỏa thuận khác (nếu có).

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản. Sau khi ký kết hợp đồng, Văn phòng Thừa phát lại phải vào sổ thi hành án được lập theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

d) Trình tự, thủ tục tổ chức thi hành án

Thừa phát lại thực hiện các thủ tục về thi hành án theo quy định của Nghị định số 08/2020/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật thi hành án dân sự.

3. Chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại

Chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại được ghi nhận trong hợp đồng giữa Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu.

- Chi phí tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu của Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự do Tòa án, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại trong hợp đồng.

- Chi phí tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu có liên quan đến tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

- Chi phí lập vi bằng và xác minh điều kiện thi hành án do người yêu cầu và Văn phòng Thừa phát lại thỏa thuận theo công việc thực hiện hoặc theo giờ làm việc.

- Đối với việc tổ chức thi hành án, Văn phòng Thừa phát lại được thu chi phí theo mức phí thi hành án dân sự do pháp luật về phí, lệ phí quy định. Những vụ việc phức tạp, Văn phòng Thừa phát lại và người yêu cầu thi hành án có thể thỏa thuận về mức chi phí thực hiện công việc.

Văn phòng Thừa phát lại có trách nhiệm niêm yết chi phí thực hiện công việc và thu đúng chi phí đã thỏa thuận với người yêu cầu.

II. TÌNH HÌNH TỔ CHỨC CỦA CÁC VĂN PHÒNG THỪA PHÁT LẠI

Hiện nay, tại Thành phố Hồ Chí Minh có 11 Văn phòng Thừa phát lại đang hoạt động với tổng số 109 Thừa phát lại, 89 thư ký nghiệp vụ và 61 nhân viên khác. Danh sách các Văn phòng Thừa phát lại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh:

STT	Tên Văn phòng	Địa chỉ trụ sở	Trưởng Văn phòng	Điện thoại
1	Văn phòng Thừa phát lại Quận 1	87 (tầng trệt) Nguyễn Du, phường Bến Nghé, Quận 1	Nguyễn Thị Hạnh	(028) 38.206.999
2	Văn phòng Thừa phát lại Quận 5	805 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5	Phạm Quang Giang	(028) 39.246.808
3	Văn phòng Thừa phát lại Quận 8	789A Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8	Vũ Thị Trường Hạnh	(028) 38.523.999
4	Văn phòng Thừa phát lại Quận 10	137 đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10	Nguyễn Văn Thắng	(028) 38.336.566
5	Văn phòng Thừa phát lại quận Thủ Đức	24 (tầng trệt) Khổng Tử, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức	Nguyễn Tiến Pháp	(028) 37.228.198
6	Văn phòng Thừa phát lại quận Tân Bình	526A Cộng Hòa, Phường 13, quận Tân Bình	Nguyễn Anh Tuấn	(028) 38.103.090
7	Văn phòng Thừa phát lại quận Gò Vấp	22A Nguyễn Thái Sơn, Phường 3, quận Gò Vấp	Vũ Thị Hoa	(028) 35.882.257
8	Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Thạnh	19R Nguyễn Hữu Cánh, Phường 19, quận Bình Thạnh	Lê Mạnh Hùng	(028) 35.144.533
9	Văn phòng Thừa phát lại quận Bình Tân	179 Tên Lửa, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân	Trần Thị Thùy Linh	(028) 62.602.274
10	Văn phòng Thừa phát lại huyện Bình Chánh	E5/6A Nguyễn Hữu Trí, Khu phố 5, thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh	Phan Tho	(028) 62.515.688
11	Văn phòng Thừa phát lại huyện Hóc Môn	1/9 Ấp Đình, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn	Lê Hữu Hạnh	(028) 37.101.173